TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 11 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Thành Sơn

2. Bà Trần Kim Tuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (có mặt);

địa chỉ: ấp 15, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh Bùi Ngọc G, sinh năm 1983 (vắng mặt);

HKTT: ấp M A 1, xã M H H, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp 15, xã Đg H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện ngày 12/2/2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Bùi Ngọc G chung sống vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ H B, trong quá trình chung sống anh G không lo làm ăn lại thường uống rượu, không quan tâm chia sẻ với vợ con, bỏ mặt chị lo mọi việc trong gia đình và nuôi 02 con. Năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh G bỏ nhà đi

và có người phụ nữ khác bên ngoài, năm 2014 anh G trở về gia đình, làm đơn ly hôn và tiếp tục bỏ nhà đi, khoảng hơn một năm sau anh G quay về đến năm 2017 anh G bỏ nhà đi cho đến nay

- Về con chung: Chị và anh Bùi Ngọc G có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 06/8/2005; Bùi Nguyễn Gia L, sinh ngày 28/10/2013, hiện tại chị đang nuôi dưỡng hai con chung.

- Về tài sản và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung.

Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng..

- Về tài sản và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19/11/2019 bị đơn anh Bùi Ngọc G trình bày:

Chị D yêu cầu xin ly hôn, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị D;

- Về con: Anh đồng ý giao 02 con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản và nợ không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu.

Bị đơn anh Bùi Ngọc G vắng mặt, không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Bùi Ngọc G; giao con chung tên Bùi Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 06/8/2005; Bùi Nguyễn Gia L, sinh ngày 28/10/2013 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Bùi Ngọc G, nhưng anh G đều vắng mặt không lý do, nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự và tống đạt hợp lệ cho anh G nhưng anh G vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh G nhưng anh G vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Ngọc G chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị D xin được ly hôn với anh Bùi Ngọc G. Thấy rằng, trong quá trình chung sống giữa chị D và anh G đã bất đồng với nhau trong sinh hoạt đời sống, dẫn đến cãi nhau và anh G đã bỏ nhà đi nhiều lần dẫn đến mâu thuẫn ngày càng xảy ra trầm trọng, đồng thời ly thân trong thời gian dài, từ 2017 đến nay. Qua đó cho thấy, nếu chị D và anh G có tiếp tục chung sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19/11/2019 anh G cũng đã đồng ý ly hôn với chị D. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn với anh G.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D và anh G có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 06/8/2005; Bùi Nguyễn Gia L, sinh ngày 28/10/2013, hiện tại chị D đang nuôi dưỡng, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, anh G chấp nhận cho chị D nuôi hai con chung, yêu cầu của chị D phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2019 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D. Giao con chung tên Bùi Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 06/8/2005; Bùi Nguyễn Gia L, sinh ngày 28/10/2013 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định là không có tài sản chung và nợ chung; anh G xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 ; Điều 235 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Bùi Ngọc G. Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Bùi Ngọc G.

- *Về quan hệ con chung:* Giao con chung tên Bùi Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 06/8/2005; Bùi Nguyễn Gia L, sinh ngày 28/10/2013 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị D xác định là không có tài sản chung và nợ chung; anh G xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0006213 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị D đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, vắng mặt bị đơn anh Bùi Ngọc G. Báo cho chị D và anh G biết, chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Đông Hưng B;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**